

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 637 /STTTT-CNTT

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 6 năm 2017

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu  
tư ứng dụng công nghệ thông tin  
năm 2018

Kính gửi:

- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT của UBND tỉnh;

Để đảm bảo đồng bộ, hiệu quả trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT năm 2018 gồm những nội dung như Phụ lục kèm theo văn bản này.

Đề nghị các đơn vị xây dựng và gửi Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 30/6/2017** (đồng gửi file văn bản điện tử vào địa chỉ thư điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông: [stttt@quangngai.gov.vn](mailto:stttt@quangngai.gov.vn)) để tổng hợp Báo cáo UBND tỉnh về Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi.

Nội dung kế hoạch cần khả thi và đảm bảo được nguồn lực để thực hiện, đồng thời phải lồng ghép các nhiệm vụ và dự toán kinh phí có liên quan của Kế hoạch ứng dụng CNTT này (ghi rõ **Mục chi ứng dụng và phát triển CNTT**) vào Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2018 của cơ quan, địa phương để gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm tra và bố trí kinh phí theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0553.718257 - 0982142211 (gặp đ/c Huy Hoàng).

Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, địa phương có chỉ đạo và tổ chức xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 đúng theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD Sở, các phòng ban;
- TT CNTT-TT (gửi K/h);
- Lưu: VT, CNTT<sub>97</sub>







## PHỤ LỤC

# HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2018

(Khu vực Thông tin)  
Công văn số 637 /STTTT-CNTT ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Sở Thông tin và Truyền thông )

### I. Căn cứ lập Kế hoạch:

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật an toàn thông tin mạng; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định 42/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;
- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 25/4/ 2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23/12/ 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- Kế hoạch số 1242/KH-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2017;
- Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 về việc Ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 30/12/2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

- Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 về việc Phê duyệt Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 -2020;

- Quyết định số 205/QĐ-UBND tỉnh ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020;

- Các hướng dẫn, định hướng của các bộ, ngành, Trung ương và nhu cầu thực tế trong hoạt động của Quý cơ quan.

## **II. Hiện trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước:**

Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Nêu rõ kết quả đạt được; Các khó khăn, tồn tại về các nội dung ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh và nguyên nhân đối với từng nội dung cụ thể gồm:

### **1. Môi trường pháp lý:**

Đánh giá về việc ban hành các đề án, dự án, kế hoạch, chính sách,... để ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước.

### **2. Hạ tầng kỹ thuật:**

Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan (*Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC; Hiện trạng mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; Hạ tầng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin...*).

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước:**

Đánh giá hiện trạng ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước theo các mặt như: phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; phục vụ các công tác khác;...

### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Đánh giá hiệu quả KT-XH của các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp về các mặt như: cung cấp dịch vụ công trực tuyến (mức độ, số lượng dịch vụ cung cấp,...); ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa; thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet.

### **5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT:**

Đánh giá hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ ứng dụng CNTT, cụ thể như: trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT của các cán bộ chuyên trách, cán bộ, công chức tham gia ứng dụng CNTT; kế hoạch đào tạo, tập huấn.

### **6. Đánh giá tổng quan ước thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch 2017:**

Rà soát đánh giá mục tiêu đặt ra theo kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT tại đơn vị, phù hợp với mục tiêu của Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch số 1881/KH-UBND tỉnh ngày 25/4/2015:

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet.
- Tình hình triển khai và ứng dụng mô hình một cửa điện tử hiện đại.  
(50% địa phương cấp huyện, phần đầu triển khai thí điểm đến 10% cấp xã; tối thiểu đạt 30% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh)
- Tỷ lệ hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được thực qua mạng Internet (Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp).
- Tỷ lệ số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng Internet (Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp).
- Tỷ lệ số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy (Cục thuế tỉnh tổng hợp và cung cấp).
- Tỷ lệ các gói thầu quan trọng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng hệ thống đấu thầu điện tử (Sở Kế hoạch Đầu tư tổng hợp và cung cấp)
- Tỷ lệ cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm xã hội tỉnh tổng hợp và cung cấp).
- Tỷ lệ văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).
- Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).
- Tình hình triển khai và ứng dụng chữ ký trong trao đổi văn bản điện tử.

**7. Kinh phí đã và đang thực hiện Kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT năm 2017: (Đề nghị ghi rõ từng nguồn kinh phí)**

TT	Hạng mục đầu tư	Nội dung đầu tư	Ước kinh phí thực hiện năm 2017		
			Ngân sách TW/Tỉnh/Huyện/ khác cấp	Nguồn vốn đầu tư/ nguồn sự nghiệp/ khác	Ghi chú (căn cứ Quyết định phê duyệt, ...)
	Hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn an ninh thông				
	Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN				

	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân.				
	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT				

### III. Mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2018:

- Tập trung các nhiệm vụ ưu tiên triển khai năm 2018 phù hợp với các mục tiêu của Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch số 1881/KH-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Quyết định số 205/QĐ-UBND tỉnh ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 về việc Phê duyệt Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 -2020;

Các mục tiêu cần cụ thể, định lượng, dễ theo dõi và đánh giá kết quả. Một số mục tiêu cơ bản như sau:

Tập trung nâng cấp, mở rộng hạ tầng và khai thác có hiệu quả trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (DataCenter); Thu hút nhân lực và cải thiện mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ của từng cơ quan, liên thông giữa các cơ quan.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực bức thiết, liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc giữa các cấp chính quyền và kết nối, liên thông với hệ thống một cửa điện tử của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo thông kê được và cập nhật liên tục kết quả tiếp nhận và giải quyết công việc lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (số lượng văn bản, hồ sơ tiếp nhận và tỷ lệ văn bản, hồ sơ xử lý đúng hạn) theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

Đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng đảm bảo chỉ tiêu cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3,4 tới tổ chức và công dân theo lộ trình được phê duyệt.

Rà soát kết quả xếp hạng báo cáo mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước năm 2016 của tỉnh Quảng Ngãi để làm rõ chỉ số nào (và chỉ số thành phần nào) của đơn vị hiện đang ở mức thấp, từ đó đề ra giải pháp cần tập trung thực hiện để cải thiện thứ hạng của tỉnh trong thời gian tới.

Mục tiêu ứng dụng CNTT về các lĩnh vực khác.

#### **IV. Định hướng nội dung xây dựng kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT năm 2018:**

##### **\* Về Các dự án đầu tư phát triển CNTT:**

Được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về sự cấp thiết, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án với thông tin chính cho từng dự án đầu tư như sau:

- **Thông tin chung:** Sự cần thiết phải đầu tư; Mục tiêu đầu tư; Tên gọi dự án; Chủ đầu tư; Quyết định phê duyệt (nếu có),...

- **Nội dung dự án:** Quy mô đầu tư; Tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng; Tổng mức đầu tư; Nguồn vốn đầu tư; Địa điểm xây dựng.

\* Các nội dung, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương năm 2018 cần xác định rõ thứ tự ưu tiên đầu tư, đồng bộ, bảo đảm việc xây dựng, kết nối và khai thác triệt để hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin quốc gia, đồng thời có khả năng mở rộng kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin các cấp; ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính:

##### **1. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tạo nền tảng xây dựng Chính quyền điện tử:**

a) Tiếp tục nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị CNTT, mạng LAN, kết nối sử dụng Internet băng rộng cho tất cả các cơ quan đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử; Cải cách hành chính.

b) Phát triển và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã.

c) Ứng dụng chữ ký số; hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong cơ quan nhà nước các cấp.

d) Tập trung phối hợp, triển khai xây dựng hoàn thành và đưa vào quản lý, khai thác có hiệu quả các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu sau:

- Thực hiện đấu thầu qua mạng.

- Triển khai thuê điện tử, hải quan điện tử và hộ chiếu điện tử.

- Quản lý cán bộ; bệnh án điện tử; giao thông thông minh; danh mục điện tử dùng chung trong các cơ quan nhà nước; thông tin, dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính và bảo hiểm.

- Tăng cường xây dựng và nâng cấp các hệ thống thông tin quản lý và tác nghiệp chuyên ngành. Việc xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan cần phải đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với việc triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương của các bộ, ngành có liên quan.

##### **2. Phát triển và hoàn thiện ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước:**

a) Triển khai hoàn thiện và liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và các huyện, thành phố; đảm bảo về tính pháp lý của văn bản điện tử và chữ ký số trong liên thông hệ thống, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy.

b) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai một cách đồng bộ và liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành đến cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh.

c) Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; cho phép quản lý tập trung các tài nguyên thông tin của cơ quan nhà nước, đảm bảo việc truy cập, chia sẻ, lưu trữ thông tin được thuận tiện và an toàn.

d) Xây dựng hệ thống quản lý cán bộ công chức viên chức triển khai đồng bộ và thông suốt đến tất cả các cơ quan nhà nước các cấp; đảm bảo hệ thống này được duy trì và kết nối cập nhật dữ liệu thường xuyên cho các bộ ngành chủ quản có liên quan.

đ) Hình thành và phát triển các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành trên nền bản đồ GIS tỉnh Quảng Ngãi như: Tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, quản lý đô thị,...

e) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và tăng cường triển khai các ứng dụng chuyên ngành tài chính: phần mềm quản lý thu chi ngân sách và tài sản công của tỉnh; phần mềm lập dự toán và quyết toán vốn đầu tư; ứng dụng phần mềm ngành tài chính,...

f) Tích cực triển khai, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, xây dựng, thuế, hải quan...

g) Căn cứ các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quan trọng được đầu tư và tình hình thực tiễn, nhu cầu quản lý chuyên môn các cơ quan nhà nước cần chủ động nghiên cứu, chỉ đạo và có kế hoạch xây dựng, triển khai các phần mềm ứng dụng có liên quan đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác đặc thù tại mỗi cơ quan.

### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

a) Duy trì, nâng cấp và nâng cao chất lượng cung cấp nội dung, đa dạng về thông tin, tăng cường các chức năng đối thoại trực tiếp, giao tiếp điện tử với người dân và tổ chức trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần.

b) Cung cấp hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp. Danh mục nhóm các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp tối thiểu đạt mức độ 3 tỉnh Quảng Ngãi đã được phê duyệt.



c) Tăng cường thực hiện mô hình “Bộ phận một cửa hiện đại” tại huyện, thành phố, xã phường, thị trấn và phát triển ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa hiện đại; tăng cường sự kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận một cửa và các hệ thống khác; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi nhất để tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

d) Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các địa phương; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin.

e) Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ cập tin học, nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

f) Tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng và phát triển các ứng dụng CNTT đặc thù khác phục vụ người dân và doanh nghiệp theo đặc thù của đơn vị.

#### **4. Phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT:**

a) Tăng cường nâng cao nhận thức và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ phụ trách và chuyên trách về CNTT các cấp. Đào tạo, tập huấn về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh và đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT (*khi được phê duyệt*).

b) Tiếp tục đào tạo, nâng cao nghiệp vụ công nghệ thông tin cho các cán bộ công chức viên chức các cấp theo chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp. Tăng cường thu hút và đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ từ Đại học trở lên tại các cơ quan, địa phương. Đảm bảo đến năm 2020, 100% các đơn vị Sở, ngành, địa phương có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện có cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin.

c) Tiếp tục tăng cường hỗ trợ các đoàn thể, tổ chức xã hội nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển CNTT trong sản xuất kinh doanh và phục vụ phát triển KT-XH; đẩy mạnh phổ cập tin học, tin học hóa cho thanh niên và các tầng lớp nhân dân; tăng cường hàm lượng ứng dụng CNTT phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

d) Không ngừng phát triển và khuyến khích người dân khai thác hệ thống dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính, thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua các Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; khai thác thông tin thông qua hệ thống các trang tin khoa học kỹ thuật, thông tin mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi và thông tin văn hóa xã hội.

#### **5. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin:**

a) Tăng cường quán triệt Luật an toàn thông tin mạng; Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Chỉ thị số 897/CT-TTg ngày 10/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin mạng máy tính trong tình hình mới và triển khai Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020.

b) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về nguy cơ, sự cố, tấn công mạng.

c) Tăng cường đầu tư các biện pháp, trang thiết bị bảo đảm về an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng. Tiếp tục tham gia và triển khai hệ thống chứng thực điện tử, chữ ký số và các biện pháp, giải pháp bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

d) Rà soát cập nhật hoặc ban hành mới quy chế, chính sách, kế hoạch về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

e) Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về thông tin trên Internet; Tổ chức các chương trình Hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị.

f) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh, của đơn vị.

## **V. Giải pháp thực hiện:**

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm (không giới hạn) các nội dung chính sau:

1. Giải pháp tài chính (*Căn cứ vào các kế hoạch đã được phê duyệt, nguồn kinh phí đã được dự kiến bố trí theo Quy hoạch phát triển CNTT của tỉnh, nguồn kinh phí theo kế hoạch trung hạn, dài hạn của tỉnh, nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm được bố trí; khả năng cân đối từ ngân sách bố trí tỉnh, huyện, đơn vị, tranh thủ vốn hỗ trợ từ Trung ương, khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm tránh đầu tư dàn trải hoặc khi đã bố trí kinh phí mà thực hiện không hiệu quả*).

2. Bảo đảm môi trường pháp lý.

3. Bảo đảm hiệu quả, đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Giải pháp triển khai và tổ chức thực hiện.

5. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực CNTT.

6. Các giải pháp khác.

**VI. Kinh phí triển khai kế hoạch:**

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch theo các nội dung, kèm theo là Phụ lục danh mục các dự án, nhiệm vụ sẽ triển khai trong Kế hoạch theo mẫu (*có thể thêm cột để ghi chú rõ hơn*) sau:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nội dung /hạng mục công việc		Kinh phí			Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Đã triển khai	Cần triển khai năm 2018	Tổng kinh phí	Đã thực hiện	Cần thực hiện trong năm 2018	Ngân sách TW/Tin h/Huyện / khác(ghi rõ)	Nguồn vốn đầu tư/ Nguồn sự nghiệp p/ khác (ghi rõ)	

(Tham khảo danh mục các văn bản hướng dẫn về định mức chi cho ứng dụng CNTT được đính kèm)

**VII. Tổ chức thực hiện:**

Xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trong việc triển khai Kế hoạch.

-----oOo-----



**MỘT SỐ VĂN BẢN THAM KHẢO XÂY DỰNG CHI PHÍ ỨNG DỤNG CNTT**  
 (Kèm theo Công văn số 637-STTT-CNTT ngày 13 tháng 6 năm 2017)



TT	Số văn bản	Cơ quan ban hành	Loại hình thức văn bản	Trích yếu nội dung	Ngày ban hành
1	13/2017/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ	28/04/2017
2	47/2016/TT-BTTTT	Bộ TT&TT	Thông tư	Quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	26/12/2016
3	2/2016/TT-BKHĐT	Khác	Thông tư	Hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư	01/3/2016
4	2378/QĐ-BTTTT	Bộ TT&TT	Quyết định	Công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước.	30/12/2016
5	166/2015/TT-BTC	Bộ Tài chính	Thông tư	Thông tư quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Dự án Đào tạo ngắn hạn về an toàn, an ninh thông tin trong nước thuộc đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020	05/11/2015
6	80/2014/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	30/12/2014
7	3787/BTTTT-THH	Bộ TT&TT	Văn bản	Hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm	26/12/2014
8	2519/BTTTT-KHHC	Bộ TT&TT	Công văn	Đơn giá lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng CNTT	04/9/2014

9	22/2013/TT-BTTTT	Bộ TT&TT	Thông tư	Công bố danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	23/12/2013
10	2352/BTTTT-UDCNTT	Bộ TT&TT	Công văn	Hướng dẫn lập hồ sơ mô tả các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng của phần mềm nội bộ, phục vụ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án ứng dụng CNTT	15/9/2012
11	19/2012/TTLT-BTC-BKH&DT-BTTTT	Liên bộ, Ngành	Thông tư	Thông tư liên tịch 19/2012/TTLT-BTC-BKH&DT-BTTTT của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước	15/02/2012
12	06/2011/TT-BTTTT	Bộ TT&TT	Thông tư	Quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin	28/02/2011
13	2589/BTTTT-UDCNTT	Bộ TT&TT	Công văn điều hành	Hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ	24/08/2011
14	21/2010/TT-BTTTT	Bộ TT&TT	Thông tư	Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án	08/9/2010

*Hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo: Thực hiện theo văn bản hướng dẫn của tỉnh và văn bản có liên quan theo qui định*